

Bản án số: 99/2025/DS-ST

Ngày 24 - 4- 2025

V/v tranh hợp đồng hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là thư ký Toà án nhân dân huyện Đam D.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc “tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú: ấp Hiệp T, xã Hiệp T, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (C mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: ấp Cái Ng, xã Thanh T, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.2. Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: ấp Cái Ng, xã Thanh T, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (C mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà C trình bày:**

Bà C tham gia hội do chị Th và anh T làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: Mở ngày 30/4/2020, loại hội 2.000.000 đồng, C 39 phần, mỗi tháng khai 1 lần, bà tham gia 1 phần, bà góp được 37 kì bằng 59.200.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Mở ngày 15/6/2022, loại hội 2.000.000 đồng, C 40 phần, mỗi tháng khai 1 lần, bà tham gia 1 phần, bà góp được 10 kì bằng 11.200.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Mở ngày 15/10/2022, loại hụi 500.000 đồng, C 50 phần, mỗi tháng khui 2 lần, bà tham gia 1 phần, bà góp được 35 kì bằng 10.400.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Mở ngày 15/10/2022, loại hụi 1.000.000 đồng, C 39 phần, mỗi tháng khui 2 lần, bà tham gia 1 phần, bà góp được 33 kì bằng 26.400.000 đồng.

Đến ngày 30/4/2023 bà Th và ông T tuyên bố đình hụi. Sau khi đình hụi bà Th C làm giấy hụi tính toán còn nợ bà số tiền 117.500.000 đồng, sau đó bà Th và ông T C trả được 10.000.000 đồng, còn 107.500.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông T và bà Th C nghĩa vụ trả cho bà 107.500.000 đồng.

** Bị đơn bà Th trình bày:*

Bà thừa nhận bà C C tham gia các dây hụi nêu trên là đúng. Theo giấy tính tiền hụi ngày 30/3/2023 thể hiện số tiền hụi còn nợ là 103.500.000 đồng, tuy nhiên sau đó bà C thanh toán 11.300.000 đồng, còn nợ bà C số tiền 92.200.000 đồng. Việc bà mở hụi ông T chồng bà C biết nhưng do ông T bận nhiều việc không đến tham gia việc giải quyết tại Toà. Bà đồng ý cùng ông T trả cho bà C số tiền còn nợ là 92.200.000 đồng.

Tại phiên toà, bà C yêu cầu ông T và bà Th C nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi 92.200.000 đồng.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T:* Đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết được yêu cầu khởi kiện của bà C, nhưng không C ý kiến gì đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà C và không tham gia hoà giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T là phù hợp.

Tại phiên toà, bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông T và bà Th trả số tiền hụi 92.200.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà C không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Bà C khởi kiện yêu cầu ông T và bà Th trả số tiền hụi còn nợ 92.200.000 đồng. Thấy rằng, việc bà C cho rằng bà C tham gia hụi do ông T và bà Th làm chủ và số tiền nợ hụi còn nợ theo giấy tính tiền hụi ngày 30/3/2023 và đối trừ các khoản tiền đã thanh toán là C cơ sở, được bà Th thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nghĩa vụ trả nợ: Bà C yêu cầu ông T và bà Th cùng C nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi còn nợ. Thấy rằng, tại toà bà Th xác định ông T biết việc bà mở hụi và đồng ý cùng bà trả nợ, các giao dịch hụi được phát sinh trong thời gian bà và ông T còn tồn tại quan hệ hôn nhân, mục đích mở hụi nhằm tạo ra thu nhập để phục vụ chung cho sinh hoạt trong gia đình, ông T không C ý kiến gì về vấn đề này nên buộc ông T cùng C nghĩa vụ với bà Th trả số tiền hụi còn nợ cho bà C là phù hợp.

Từ các lập luận nêu trên C C sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C. Buộc

ông T và bà Th C nghĩa vụ trả cho bà C số tiền hui 92.200.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự: Bà C không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, ông T và bà Th phải chịu 2.305.000 đồng ($92.200.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.610.000 \text{ đồng}$, ông T và bà Th C đơn xin giảm án phí nên được xem xét giảm 50%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị C. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Th trả cho ông trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền hui 92.200.000 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà C C đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T và bà Th chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông T và bà Th còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Bà Huỳnh Thị C không phải chịu. Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Th phải chịu 2.305.000 đồng (ông T và bà Th C đơn xin giảm án phí nên được xem xét giảm 50%).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự C quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự C mất được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt C quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai

